

ASUS X550LA-XX010D Intel® Core™ i5 i5-4200U Laptop 39,6 cm (15.6") HD 4 GB DDR3L-SDRAM 500 GB HDD FreeDOS Màu xám, Bạc

Nhãn hiệu : ASUS

Mã sản phẩm: 90NB02F2-M00100

Tên mẫu : X550LA-XX010D

ASUS X550LA-XX010D. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-4200U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Kiểu HD: HD, Độ phân giải màn hình: 1366 x 768 pixels. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3L-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 500 GB, Phương tiện lưu trữ: HDD, Loại ổ đĩa quang: DVD Super Multi. Hệ điều hành cài đặt sẵn: FreeDOS. Màu sắc sản phẩm: Màu xám, Bạc



Thiết kế		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Sản Phẩm *	Laptop	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu xám, Bạc	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Công nghệ Kết nối Thông minh của Intel	✓
Màn hình		Công nghệ Chống Trộm của Intel	✓
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Độ phân giải màn hình *	1366 x 768 pixels	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Màn hình cảm ứng *	✗	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Kiểu HD	HD	Công nghệ Lưu trữ Ma trận Intel® (Intel® MST)	✗
Đèn LED phía sau	✓	Công nghệ âm thanh Intel® HD	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Bộ xử lý		Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Công nghệ Intel® Clear Video	✗
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Thế hệ bộ xử lý	4th gen Intel® Core™ i5	Intel® Insider™	✓
Model vi xử lý *	i5-4200U	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Số lõi bộ xử lý	2	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✗
Các luồng của bộ xử lý	4	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Tần số turbo tối đa	2,6 GHz	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz	Intel® Enhanced Halt State	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB		
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache		
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1168		
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	22 nm		
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit		
Dòng vi xử lý	Intel Core i5-4200 Mobile series		
Tên mã bộ vi xử lý	Haswell		
Loại bus	DMI2		
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Chia bậc	C0	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W	Intel® Demand Based Switching	✗
Tjunction	100 °C	Khóa An toàn Intel	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	12	Intel® TSX-NI	✗
Phiên bản PCI Express	2.0	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✗
Cấu hình PCI Express	1x4, 2x4	Kiến trúc Intel® 64	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Bộ nhớ		Trạng thái Chờ	✓
Bộ nhớ trong *	4 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR3L-SDRAM	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	40 x 24 x 1.5 mm
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1600 MHz	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0
Dung lượng		Mã của bộ xử lý	SR170
Tổng dung lượng lưu trữ *	500 GB	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✗
Dung lượng ổ đĩa cứng	500 GB	Phiên bản công nghệ Intel Smart Connect	1,00
Loại ổ đĩa quang *	DVD Super Multi	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Thẻ nhớ tương thích	SD, SDHC, SDXC	Phiên bản Intel ME Firmware	9.5
Đồ họa		Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Model card đồ họa rời *	Không có	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Card đồ họa on-board *	✓	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✗
Card đồ họa rời *	✗	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✗
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 4400	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✗
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	200 MHz	ID ARK vi xử lý	75459
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1000 MHz	Vi xử lý không xung đột	✓
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	1,74 GB	Pin	
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12	Số lượng cell pin	4
ID card đồ họa on-board	0xA16	Dung lượng pin	2600 mAh
Âm thanh		Công suất pin *	37 Wh
Hệ thống âm thanh	SonicMaster	Điện	
Micrô gắn kèm	✓	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	65 W
Máy ảnh		Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
Camera trước	✓	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Hệ thống mạng		Cường độ dòng điện đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	3,42 A
Wi-Fi	✓	Điện áp đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	19 V
Chuẩn Wi-Fi	802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Bảo mật	
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Khe cắm khóa cáp	✓
Bluetooth	✓	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Phiên bản Bluetooth	4.0	Mã pin bảo vệ	✓
Cổng giao tiếp		Bảo vệ bằng mặt khẩu	BIOS, HDD, Người dùng
Số lượng cổng USB 2.0 *	1		
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	2		
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1		
Số lượng cổng HDMI *	1		
Cổng DVI	✗		
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1		
Cổng ra S/PDIF	✗		
Giắc cắm micro	✗		

Cổng giao tiếp		Trọng lượng & Kích thước	
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓	Chiều rộng	380 mm
Bộ nối trạm	✗	Độ dày	251 mm
Khe cắm ExpressCard	✗	Chiều cao (phía trước)	2,48 cm
Loại khe cắm CardBus PCMCIA	✗	Chiều cao (phía sau)	3,17 cm
Khe cắm SmartCard	✗	Trọng lượng *	2,3 kg
Tổng số đầu nối SATA	4	Các đặc điểm khác	
Số lượng cổng kết nối SATA III	4	Hỗ trợ 3D	✗
Bàn phím		Công nghệ Ảo hóa Intel® (Intel® VT)	VT-x
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng		
Bàn phím số *	✓		
Bàn phím full size	✓		
Các phím Windows	✓		
Phần mềm			
Hệ điều hành cài đặt sẵn *	FreeDOS		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.